

Ngày soạn:

Tiết 67: ÔN TẬP CHƯƠNG II

Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Kiến thức: Tiếp tục củng cố các phép tính trong Z, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế, bội ước của một số nguyên.
2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng thực hiện phép tính, tính nhanh giá trị biểu thức, tìm x, tìm bội và ước của một số nguyên.
3. Thái độ: Rèn luyện tính chính xác, tổng hợp cho HS.

II. CHUẨN BỊ TÀI LIỆU-TBĐH:

1. Chuẩn bị của thầy: SGK,SGV,tài liệu tham khảo.bảng phụ,...
2. Chuẩn bị của trò: ĐDHT,SGK,phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

Nêu khái niệm bội và ước của một số nguyên ?Tìm tất cả các ước của : 24; (-12)?

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung kiến thức									
<u>Hoạt động 1</u> : Điền số thích hợp GV: Treo bảng có sẵn nội dung bài 113. GV: Yêu cầu HS lên bảng trình bày lời giải và giải thích cách làm? HS: 1 HS lên bảng trình bày lời giải. HS: Cách làm: - Tính tổng tất cả các số đã cho: (bằng 9). - TB mỗi ô có giá trị bằng 1 - Mỗi hàng (cột, đường chéo) đều có tổng bằng 3. - 1 HS nhận xét bài làm trên bảng. <u>Hoạt động 2:</u> Liệt kê và tính tổng tất cả các số nguyên x thỏa mãn. GV: Yêu cầu HS làm bài tập 114. và giải thích cách làm. HS: Cả lớp làm vào vở GV: Làm thế nào để tính nhanh tổng trên? HS: Một HS lên bảng trình bày lời giải. * Trả lời: - Bài toán có 2 yêu cầu: Liệt kê và tính tổng - Nhóm các số hạng đối nhau. * Một HS nhận xét, đánh giá. <u>Hoạt động 3:</u> Tìm số chưa biết.	Dạng 1: Điền số thích hợp vào ô trống <u>Bài tập 113 SGK</u> Kết quả <table><tr><td>2</td><td>3</td><td>- 2</td></tr><tr><td>- 3</td><td>1</td><td>5</td></tr><tr><td>4</td><td>- 1</td><td>0</td></tr></table> Dạng 2: Tìm số và tính tổng <u>Bài tập 114 SGK</u> Hướng dẫn a) $-8 < x < 8$ - Liệt kê : $x \in \{-7; -6; -5; -4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}.$ - Tính tổng : $M = -7 + (-6) + (-5) + (-4) + (-3) + (-2) + (-1) + 0 + 1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7$ $M = (7 - 7) + (6 - 6) + ... + 0$ $M = 0$	2	3	- 2	- 3	1	5	4	- 1	0
2	3	- 2								
- 3	1	5								
4	- 1	0								

GV: Yêu cầu HS làm bài tập
 HS: Một HS lên bảng trình bày lời giải.

Hoạt động 4: Bài tập tổng hợp

GV: Làm thế nào để xác định được có bao nhiêu tích? Bao nhiêu tích lớn hơn 0? Nhỏ hơn 0? ...

HS: 1 vài HS trả lời:

- Với mỗi số $a \in A$ lập được các tích với lần lượt các số $b \in B$. (A có 3 pt; B có 4 pt). Do đó có $3.4 = 12$ tích.

- Tích của 2 số cùng dấu lớn hơn 0; hai số khác dấu nhỏ hơn 0.

- Số chia hết cho cả 3 và 2 thì chia hết cho 6. A có 1 số chia hết cho 3; B có 3 số chia hết cho 3 mà không chia hết cho 6, 1 số chia hết cho 6. Vậy số các tích chia hết cho 6 là: $1.3 + 1.3 = 6$.

GV: Mỗi thừa số của tích phải là một ước của 20.

Dạng 3: Tìm số chưa biết

Bài tập 115 SGK

Hướng dẫn

a) $|a| = 5 \Rightarrow a = \pm 5$

b) $|a| = 0 \Rightarrow a = 0$

c) $|a| = -3 \Rightarrow$ Không có giá trị nào của a

d) $|a| = |-5|$

$|a| = 5 \Rightarrow a = \pm 5$

e) $-11|a| = -22$

$-11|a| = -11.2 \Rightarrow |a| = 2 \Rightarrow a = \pm 2$

Bài tập 117

a) $(-7)^3.2^4 = -343.16 = 5488$

b) $5^4.(-4)^2 = 625.16 = 10000$

Bài tập 118

a) $2x - 35 = 15 \Rightarrow x = 25$

b) $3x + 17 = 2 \Rightarrow x = -5$

c) $|x - 1| = 0$

$x - 1 = 0 \Rightarrow x = 1$

Dạng 4: Bài toán tổng hợp

$A = \{3; -5; 7\}$

$B = \{-2; 4; -6; 8\}$

Giải

a) Số tích $a.b$ được tạo thành:

$3.4 = 12$ (tích)

b) Số tích lớn hơn 0:

$2.2 + 1.2 = 6$

Số tích nhỏ hơn 0:

$1.2 + 2.2 = 6$

Số các tích chia hết cho 6 là:

$1.3 + 1.3 = 6$.

d) Số tích là ước của 20

$1.2 = 2$

4. Củng cố - Luyện tập:

– Hướng dẫn học sinh làm các bài tập còn lại.

5. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

– Học sinh về nhà học bài và làm bài tập còn lại SGK

– Chuẩn bị bài kiểm tra 1 tiết.